TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2018/HS-ST
Ngày: 11/6/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đào Thị Hoài Thanh

2/ Bà Nguyễn Thị Nở

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thuỵ Kim Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 136/2018/HSST ngày 12/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2490/2018/QĐXXST-HS ngày 29/5/2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: **Nguyễn Văn L**, **Nguyễn Văn K**, **Nguyễn Anh T**); giới tính: Nam; sinh năm: 1971 tại tỉnh C; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực Q, phường T, quận T, thành phố C; chỗ ở hiện nay: Như trên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Lê Thị T (chết); hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/6/1988 bị Công an tỉnh T bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; đến ngày 15/10/1988 được tha về địa phương.

- Ngày 27/4/1990 bị Công an Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", lập hồ sơ đưa đi cưỡng bức lao động 18 tháng.

- Ngày 19/7/1991 bị Công an Quận M bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 28/4/1992 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo Bản án số 209/HSST. Chấp hành hình phạt tù được 13 tháng 20 ngày thì trốn trại.

- Ngày 14/02/1993 bị Công an Quận M bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", lập hồ sơ đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng.

- Ngày 22/9/1993 bị Công an Quận B bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", lập hồ sơ giao Trường cưỡng bức lao động Quận B (kết quả xác minh không rõ bị cưỡng bức lao động bao lâu)

- Ngày 19/02/1994 bị Công an Quận M bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 23/5/1994 bị Tòa án nhân dân Quận M xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", 12 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" và tiếp tục thụ hình Bản án số 209/HSST ngày 28/4/1992 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng hợp hình phạt là 05 năm 04 tháng 10 ngày theo Bản án số 120/HSST. Thụ hình xong ngày 30/4/1998.

- Ngày 06/10/1998 bị Công an Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 21/5/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù theo Bản án số 939/HSST. Thụ hình xong ngày 06/9/2002.

- Ngày 15/7/2004 bị Công an tỉnh A bắt về tội "Trộm cắp tài sản" đến ngày 17/7/2004 bỏ trốn khi đang bị dẫn giải. Ngày 25/7/2004 bị bắt theo Quyết định truy nã của Công an tỉnh A. Ngày 29/3/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xử phạt 07 năm tù theo Bản án số 34/HSST. Thụ hình xong ngày 23/9/2010.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2017. (Có mặt)

2/ Họ và tên: **Bùi Sỹ S** (tên gọi khác: **Trần Minh H**, **Trần Minh M**, **Lê L**, **M**); giới tính: Nam; sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: 2702/3A QL, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Bùi Văn H (chết) và bà Hồ Thị D; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 10/5/1989 bị Công an Quận M bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 24/5/1989 bị Ủy ban nhân dân Quận M ra Quyết định cưỡng bức lao động 12 tháng.

- Ngày 06/01/1990 bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 21/9/1990 bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định cưỡng bức lao động 24 tháng.

- Ngày 16/8/1991 bị Công an Quận M bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản

của công dân".

- Ngày 30/8/1992 bị Công an quận T bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 05/01/1993 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù giam.

- Ngày 14/11/1994 bị Công an Quận T bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 18/01/1995 bị Tòa án nhân dân Quận T xử phạt 18 tháng tù giam theo Bản án số 08/HSST.

- Ngày 28/7/1996 bị Công an Quận M bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 07/4/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù giam theo Bản án số 427/HSST.

- Ngày 05/5/1998 bị Công an quận T bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 03/9/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù giam theo Bản án số 1761/HSST.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2017. (Có mặt)

3/ Họ và tên: **Trịnh Văn K**; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 136B T, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Lô B3, B, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Buôn án; con ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Lou Bích T và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2017, đến ngày 24/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông **Nguyễn Văn V** – Luật sư của Văn phòng Luật sư MT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn K: Bà **Lê Hà Thúy L** – Luật sư của Văn phòng Luật sư LH thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị hại: **Công ty TNHH V** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà V, số 9 D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ BA.**

Địa chỉ: 105A N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Tuấn A**. (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 145/GUQ-2018 ngày 05/6/2018)

2/ Ông **Nguyễn Khắc B**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 44/27 T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông **Nguyễn Đăng C**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 412 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông **Phan Kim D**, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 57A H, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông **Phù Phi I**, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

6/ Ông **Lâm Văn G**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 572 N, Khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh K.

7/ Ông **Nguyễn Quốc R**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 52/23/2/4 Đường số T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Ông **Võ X**, sinh năm: 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.

9/ Bà **Cao Thị Ngọc U**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: 266/40/9/25 T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/02/2017, sau khi nhận được tin báo bị mất trộm 23 chiếc điện thoại di động tại Siêu thị điện thoại VHCM 85, Cơ quan điều tra hình sự các tổ chức sự nghiệp – Bộ Quốc phòng tiến hành điều tra, thông qua hai người ở chung nhà với Bùi Sỹ S tại: 2702/3A QL, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là Đinh N và Đinh H, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng bắt được Bùi Sỹ S vào ngày 18/4/2017; Trịnh Văn K vào ngày 27/4/2018 và tiếp tục bắt được Nguyễn Văn T vào ngày 05/5/2017.

Tại Cơ quan điều tra hình sự các tổ chức sự nghiệp – Bộ Quốc phòng, các bị cáo khai nhận như sau:

Nguyễn Văn T có ý định đột nhập vào Siêu thị điện thoại VHCM 85 để trộm cắp điện thoại. Để đột nhập vào siêu thị, T đã chuẩn bị một ống tuýp 8 dùng để mở đinh vít bắn tole, 03 mét dây dù, găng tay, khẩu trang, một cây tuốc nơ vít.

Khoảng 22 giờ ngày 05/02/2017, T kêu Bùi Sỹ S chở T đến Siêu thị điện thoại VHCM 85, đến nơi T nói với S khi nào T gọi điện thoại thì đến đón T về. Sau đó, T ngồi bên ngoài quan sát, đến 23 giờ 00 phút cùng ngày T nhìn thấy các nhân viên trong Siêu thị đóng cửa ra về.

Khoảng 00 giờ ngày 06/02/2017, sau khi theo dõi thấy 02 nhân viên bảo vệ đã ngủ, T đi ra phía sau siêu thị, đeo găng tay, khẩu trang và cầm ống tuýp 8, tuốc nơ vít trèo lên cục nóng máy lạnh, rồi trèo lên mái nhà, dùng ống tuýp 8 tháo vít bắn tole, lật ngược mái tole lên, buộc dây dù vào xà gồ, rồi bám vào dây dù chui xuống dưới nhà, đến mái la phông, T dùng tay dỡ tấm trần thạch cao, chui xuống, đứng trên nóc tủ kính đựng điện thoại rồi đu người xuống nền nhà. Sau đó, T dùng tuốc nơ vít cạy khóa tủ kính số 12 lấy trộm 23 chiếc điện thoại Iphone còn mới, trưng bày trong tủ (gồm: 01 chiếc Iphone 6S 128GB, 02 chiếc Iphone 7 32GB, 10 chiếc Iphone 7 128GB, 02 chiếc Iphone 7 Plus 32GB, 07 chiếc Iphone 7 Plus 128GB và 01 chiếc Iphone 7 256GB) bỏ vào túi nylon rồi theo đường cũ thoát ra ngoài. T gọi điện thoại kêu Bùi Sỹ S đến chở về phòng trọ của S tại số 2702/3A QL, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi về đến phòng trọ còn có Đinh H và Đinh N (em nuôi của S) cũng có mặt. T bỏ toàn bộ số điện thoại vừa lấy cắp ra cho S xem và nói S gọi điện thoại cho Trịnh Văn K (chủ Cửa hàng điện thoại di động "KM", số 136B T, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) tới mua điện thoại. Lúc này, S biết rõ 23 chiếc điện thoại di động Iphone là T trộm cắp. Để có tiền tiêu xài, S liền điện thoại cho K, không thấy K nghe điện thoại, S nhắn tin cho K liên lạc với S đến mua điện thoại và yêu cầu K khi trả giá số điện thoại của T thì ép giá xuống 50.000.000 đồng để dành riêng cho S.

Khoảng 08 giờ ngày 06/02/2017, K thức dậy đọc tin nhắn của S nên điều khiển xe mô tô đi đến phòng trọ của S. Sau khi xem điện thoại, K trả giá tổng số 22 chiếc điện thoại (để lại chiếc Iphone 6) với giá 315.000.000 đồng. Chiếc điện thoại Iphone 6 128GB còn lại, T bán cho S giá 2.500.000 đồng. T chia cho S 155.000.000 đồng. Ngày hôm sau, K đưa tiếp cho S 50.000.000 đồng (theo yêu cầu của S). Như vậy Nguyễn Văn T chiếm hưởng số tiền là 162.500.000 đồng.

Đến ngày 14/2/2017, S cầm chiếc điện thoại Iphone 6S 128GB (do T trộm cắp bán lại cho S) bán cho ông Văn AK, chủ của hàng cầm đồ KN, số 175 H, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giá 8.000.000 đồng. Sau 1 tháng, ông AK đã thanh lý bán chiếc điện thoại cho khách vãng lai nên không thu hồi được. Tổng số tiền Bùi Sỹ S chiếm hưởng là 210.500.000 đồng.

Sau khi mua 22 chiếc điện thoại của Nguyễn Văn T, Trịnh Văn K đã tiêu thụ số tài sản trên như sau:

1/ K thông qua Nguyễn Quốc R (RA) đã bán cho vợ chồng Nguyễn KH, Trần KN (chủ cửa hàng điện thoại H, số 622 đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) 15 chiếc điện thoại (gồm: 05 điện thoại Iphone 7 Plus 128GB, 08 điện thoại Iphone 7 128GB và 02 điện thoại Iphone 7 Plus 32GB) với tổng số tiền là 276.200.000 đồng. Nguyễn KH đã tiêu thụ 15 chiếc điện thoại này như sau:

+ KH bán cho Nguyễn Quốc R (RB) 02 chiếc Iphone 7 Plus 128 GB với giá 21.800.000 đồng/chiếc, thành tiền là 43.600.000 đồng. RB đem 02 chiếc điện thoại vừa mua trên bán lại cho Nguyễn NT và đối tượng tên U (không rõ lai lịch) cùng giá là là 23.800.000 đồng/chiếc. RB chiếm hưởng số tiền là 4.000.000 đồng. Trường đem 01 điện thoại mua từ R B bán cho Lâm Văn G với giá 23.500.000 đồng. G bán lại cho Phù PT được 24.500.000 đồng, chiếm hưởng 1.000.000 đồng. PT mua giúp anh ruột là Phù Phi I. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại này từ I.

+ Ông Hoà bán cho Phan Kim D (chủ cửa hàng điện thoại AS, số 67A H, Phường T, Quận N) 08 chiếc điện thoại được 152.700.000 đồng. D bán lại hết cho khách vãng lai được tổng số tiền là 154.300.000 đồng, chiếm hưởng 1.600.000 đồng.

+ Ông KH bán cho đối tượng tên T (không rõ lai lịch) 05 chiếc điện thoại được 86.000.000 đồng.

Số tiền Nguyễn KH chiếm hưởng từ việc mua bán 15 chiếc điện thoại là 6.100.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền này.

2/ K trực tiếp bán cho Nguyễn Đăng C (chủ cửa hàng "TM" số 11C, H, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) 07 chiếc điện thoại (gồm: 02 điện thoại Iphone 7 Plus 128GB, 02 điện thoại Iphone 7 32GB, 02 điện thoại Iphone 7 128GB và 01 điện thoại Iphone 7 256GB) với tổng số tiền là 120.300.000 đồng. Nguyễn Đăng C đã tiêu thụ số tài sản này như sau:

+ C bán cho RB 02 điện thoại Iphone 7 32GB giá 15.100.000 đồng/chiếc, thành tiền là 30.200.000 đồng. RB bán lại hết cho khách vãng lai được giá 15.900.000 đồng/ chiếc, thành tiền 31.800.000 đồng, chiếm hưởng 1.600.000 đồng.

+ C bán 05 chiếc điện thoại cho khách vãng lai được tổng số tiền là 94.000.000 đồng.

Số tiền Nguyễn Đăng C chiếm hưởng từ việc mua bán 07 chiếc điện thoại là 3.900.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền này.

Như vậy, tổng số tiền Trịnh Văn K chiếm hưởng từ việc mua bán 22 chiếc điện thoại do Nguyễn Văn T trộm cắp là 31.500.000 đồng. (396.500.000 đồng – 365.000.000 đồng)

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T và Bùi Sỹ S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trịnh Văn K khai nhận: Khi mua 22 chiếc điện thoại từ Nguyễn Văn T, K biết số tài sản này do trộm cắp mà có nhưng không biết trộm ở đâu. Lý do K biết nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có vì sau khi kiểm tra máy, K biết số điện thoại này là hàng nhập khẩu, chính hãng, còn nguyên seal, loại điện thoại này chỉ có các cửa hàng thế giới di động mới bán ra và có giá rất cao, T và S không thể mua một lúc 22 chiếc điện thoại và bán cho K với giá thấp hơn rất nhiều. Dù biết là tài sản trộm cắp nhưng K vẫn đồng ý mua để bán lại hưởng chênh lệch cao. Sau khi mua khoảng 10 ngày, K có đọc báo trên mạng thì thấy có đăng tin vụ Siêu thị điện thoại VHCM 85 bị mất 23 điện thoại có đặc điểm, loại điện thoại phù hợp với số điện thoại K đã mua từ T nên K biết rõ số tài sản mà K đã mua là do trộm cắp từ Siêu thị V, nhưng do muốn thu hồi vốn và hưởng lãi cao nên K vẫn tiếp tục tiêu thụ toàn bộ số điện thoại trên.

Nguyễn KH, Trần KN, Nguyễn Quốc R, Nguyễn Nhựt Trường, Lâm Văn G, Phù Phi Thoan, Phù Phi I, Phan Kim D, Nguyễn Đăng C đều khai nhận không biết số tài sản trên do phạm tội mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản số 1994/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 31/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố-Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định: 23 chiếc điện thoại di động trong vụ án mất tài sản tại Siêu thị điện thoại VHCM 85 có tổng giá trị là 513.870.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 6682/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 31/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố - Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Trị giá còn lại của 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số imei: 353816082786825 đã qua sử dụng là 15.770.000 đồng.

Về dân sự:

Do giữa Công ty V và Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA có ký kết Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 300615/BAS/TTBL.XNKVIETTEL, theo đó, mọi mất mát xảy ra cho cửa hàng điện thoại di động, Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA sẽ có trách nhiệm bồi thường. Do vậy, ngày 20/02/2017, Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA đã bồi thường thiệt hại cho Công ty V giá trị 23 chiếc điện thoại bị mất trộm ngày 06/02/2017, tương đương số tiền là 478.306.000 đồng. Ngày 15/5/2017, Công ty V đã có văn bản chuyển quyền sở hữu 23 điện thoại bị trộm cắp cho Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA. Công ty V không có yêu cầu gì đối với thiệt hại của công ty mình.

Đại diện Công ty Dịch vụ Bảo vệ B đề nghị nhận lại 01 điện thoại đã thu hồi được định giá là 15.770.000 đồng và yêu cầu bồi thường số tiền là: 462.536.000 đồng.

Ông Phù Phi I yêu cầu bồi thường 24.500.000 đồng là số tiền mua 01 chiếc điện thoại di động đã giao nộp Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 02 ốc vít kim loại dài khoảng 01 cm; 02 miếng kim loại màu vàng.

- Thu giữ của Nguyễn Văn T 229.000 đồng.

- 85.400.000 đồng (Trịnh Văn K nộp tiền khắc phục hậu quả)

- Đinh H (em nuôi của Bùi Sỹ S) giao nộp 1.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả cho S.

- Nguyễn KH giao nộp số tiền thu lợi là 6.100.000 đồng.

- Nguyễn Đăng C giao nộp số tiền thu lợi là 3.900.000 đồng.

- Nguyễn Quốc R (RB) giao nộp số tiền thu lợi là 5.600.000 đồng.

- Phan Kim D giao nộp số tiền thu lợi là 1.600.000 đồng.

Tổng số tiền tạm giữ là 103.829.000 đồng, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã nhập Kho bạc Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

(bút lục 74A), trong đó số tiền thu vượt quá của bị cáo K là 53.900.000 đồng (85.400.000 đồng – 31.500.000 đồng)

- Thu giữ 01 điện thoại Iphone 7 Plus, số imei: 353816082786825 từ Phù Phi I.

- 01 xe SH biển số 59C1-70795. Theo Kết luận giám định số 11457 ngày 06/11/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xe gắn máy trên có số khung, số máy nguyên thuỷ không đổi, xe do Trịnh Văn K là chủ sở hữu.

- 01 giấy đăng ký xe biển số 59C1-70795 đứng tên Trịnh Văn K.

- 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus (thu giữ của Trịnh Văn K).

- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn AK và 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Văn T.

- 01 xe gắn máy biển số 76M4-1011 (xe do Bùi Sỹ S sử dụng khi phạm tội). Theo Kết luận giám định số 11458 ngày 06/11/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xe trên có số khung, số máy nguyên thuỷ không đổi. Kết quả xác minh xe do ông Võ X (sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Q) đứng tên chủ sở hữu. Qua lấy lời khai, ông Võ X và anh Võ NV (con ruột của ông X) trình bày: Năm 2001, ông X mua xe gắn máy biển số 76M4-1011 và đăng ký giấy tờ xe đứng tên ông X là chủ sở hữu. Năm 2011, anh Việt đem xe này từ Q vào Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng làm phương tiện đi lại. Vào đêm một ngày trong năm 2011, anh X trên đường đi làm về thì bị 3-4 thanh niên (không rõ lai lịch) tới dung dao khống chế và cướp xe. Sau khi bị cướp tài sản, anh Việt không trình báo Công an nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ việc anh Việt bị cướp tài sản. Đến nay, ông X có yêu cầu xin được nhận lại chiếc xe trên. Bùi Sỹ S trình bày: Xe gắn máy biển số 76M4-1011 do bạn của S tên chị Giàu (không rõ lai lịch) quen ngoài xã hội cho S sử dụng, S hiện không biết chị Giàu ở đâu.

Để có căn cứ xem xét yêu cầu xin nhận lại xe máy của ông Võ X, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo tìm chủ xe nhưng đến nay không có người nào đến trình báo nên xe không có tranh chấp.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo (thu giữ của Bùi Sỹ S); 01 chứng minh nhân dân tên Lê L.

Tại Bản cáo trạng số 80/CTr-VKS-P2 ngày 02/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các bị cáo Bùi Sỹ S, Trịnh Văn K cùng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Văn T và Bùi Sỹ S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu.

- Bị cáo Trịnh Văn K khai nhận ngay từ đầu khi tiếp cận mua 22 chiếc điện thoại này, bị cáo không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, T và S cũng không nói rõ nguồn gốc những điện thoại này cho bị cáo. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo K có thừa nhận biết đây là tài sản do phạm tội mà có là do Công an điều tra hướng dẫn bị cáo khai như vậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đính chính về số tiền mà Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA đã bồi thường cho Công ty Viettel là 478.306.000 đồng, chứ không phải 487.000.000 đồng như Bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát xác định giá trị 23 chiếc điện thoại bị trộm cắp của Công ty Viettel là 478.304.500 đồng theo các hoá đơn do bị hại cung cấp, từ đó thay đổi khoản hình phạt truy tố bị cáo Nguyễn Văn T từ khoản 4 xuống khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố các bị cáo Bùi Sỹ S và Trịnh Văn K từ khoản 4 xuống khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đồng thời, sau khi phân tích tính chất, mức độ , hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 đến 12 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Bùi Sỹ S từ 08 đến 10 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đối với bị cáo Trịnh Văn K, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật và xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T là Luật sư Nguyễn Văn V trình bày: Đồng ý với việc đại diện Viện kiểm sát thay đổi điều khoản truy tố bị cáo T từ khoản 4 xuống khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T.

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn K là Luật sư Lê Hà Thuý L trình bày: Đồng ý với việc đại diện Viện kiểm sát thay đổi điều khoản truy tố bị cáo K từ khoản 4 xuống khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; khi bị bắt, bị cáo đã phối hợp với Cơ quan điều tra để bắt bị cáo Nguyễn Văn T; bị cáo phạm tội lần đầu và là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi cha mẹ già, 01 con nhỏ, vợ bị cáo K hiện đang mang thai người con thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ BA có ông Nguyễn Tuấn A là người đại diện theo uỷ quyền đề nghị được nhận lại 01 điện thoại đã thu hồi được và yêu cầu được bồi hoàn lại số tiền đã bồi thường cho Công ty V là 462.534.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo K có ý kiến, khiêu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đã có hành vi mớm cung trong quá trình điều tra tuy nhiên bị cáo không đưa ra được các chứng cứ chứng minh những điều này và cũng không có căn cứ thể hiện trong quá trình điều tra có sự mớm cung, nhục hình đối với bị cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội:

- Đối với Nguyễn Văn T:

Khoảng 00 giờ ngày 06/02/2017 tại Siêu thị điện thoại VHCM 85, địa chỉ: 136 – 138 – 140 T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn T đã lén lút đột nhập vào siêu thị và lấy trộm tổng cộng 23 chiếc điện thoại của Công ty TNHH V. Theo Văn bản số 2262/XNK-TTBL ngày 11 tháng 6

năm 2018 cùng các hoá đơn đính kèm của Công ty V, tổng giá trị số tài sản bị trộm cắp là 478.304.500 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 1994/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 31/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố - Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giá trị 23 chiếc điện thoại là 513.870.000 đồng, cơ sở định giá tài sản dựa trên mức giá bán được niêm yết tại website chính thức và tại các cửa hàng lớn chuyên kinh doanh các sản phẩm chính hàng của Apple.

Hội đồng xét xử xét thấy vào thời điểm bị trộm cắp, số điện thoại trên đang được trưng bày tại Siêu thị điện thoại VHCM 85, là tài sản của nhà phân phối, chưa được bán ra thị trường. Nếu áp dụng mức giá bán lẻ được niêm yết theo kết quả của Kết luận định giá tài sản để định khung hình phạt và buộc các bị cáo bồi thường thì Công ty V sẽ được chiếm hưởng tiền chênh lệch thông qua hành vi phạm tội là không đúng và gây bất lợi cho các bị cáo. Do đó, Toà án xác định thiệt hại của Công ty V đối với 23 chiếc điện thoại là giá trị thực tế theo các hoá đơn do Công ty này cung cấp, tổng số tiền là 478.304.500 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét thời điểm phạm tội của bị cáo là vào năm 2017, luật áp dụng để xét xử bị cáo là Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. So chiếu với Điều luật về tội phạm tương ứng (Điều 173) của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội trộm cắp tài sản có khung hình phạt nhẹ hơn. Do vậy, để có lợi cho bị cáo, Tòa án áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo. (Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về giảm hình phạt thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử). Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi điều khoản truy tố đối với bị cáo T từ điểm a khoản 4 xuống điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Đối với Bùi Sỹ S:

Từ ngày 06/02/2017 đến ngày 14/02/2017, Bùi Sỹ S mặc dù biết rõ nguồn gốc 23 chiếc điện thoại là tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nhưng vì động cơ vụ lợi, S vẫn giúp T tiêu thụ số tài sản trên với tổng giá trị tài sản tiêu thụ là 478.304.500 đồng. Hành vi của bị cáo Bùi Sỹ S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" thuộc trường hợp "tài sản, vật phạm pháp có giá trị rất lớn" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. (Khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 của Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Bộ Tư pháp – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Toà án nhân dân Tối cao). Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi điều khoản truy tố đối với các bị cáo S từ điểm a khoản 4 Điều 250 xuống điểm a khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Đối với Trịnh Văn K:

Ngày 06/02/2017 tại số 2702/3A QL, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, thông qua Bùi Sỹ S, Trịnh Văn K đã mua 22 chiếc điện thoại từ Nguyễn Văn T có tổng giá trị là là 454.909.500 đồng rồi đem bán cho người khác để thu lợi bất chính số tiền là 31.500.000 đồng. Khi mua bán, K biết rõ tài sản do phạm tội mà có. Hành vi nêu trên của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo K không thừa nhận việc bị cáo biết nguồn gốc số điện thoại này do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, qua tham khảo lời khai của bị cáo vào các ngày 28/4/2017 (bút lục 409 - 410), ngày 07/8/2017 (bút lục 278 – 281), bị cáo đều xác định bị cáo biết nguồn gốc số điện thoại mua từ T và S là tài sản do trộm cắp mà có do toàn bộ số điện thoại này đều là hàng nhập khẩu, chính hãng, còn nguyên niêm phong, chưa qua sử dụng, chỉ có các cửa hàng di động lớn mới nhập về và giá bán rất cao. T và S không thể có số tiền lớn để mua lại số điện thoại này và bán lại với giá thấp cho K nên K biết được đây là nguồn gốc số tài sản này. Ngoài ra trong toàn bộ bản tự khai của mình, K đều xác định sau khi đọc được thông tin về việc Siêu thị điện thoại VHCM 85 bị mất trộm, K biết rõ số điện thoại đã mua từ T là trộm cắp từ siêu thị này nhưng vẫn tiếp tục tiêu thụ nhằm thu hồi vốn và kiếm lợi nhuận. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi mà bị cáo K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" thuộc trường hợp "tài sản, vật phạm pháp có giá trị rất lớn"

được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. (Khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 của Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Bộ Tư pháp – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Toà án nhân dân Tối cao). Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi điều khoản truy tố đối với các bị cáo S từ điểm a khoản 4 Điều 250 xuống điểm a khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là phạm pháp, thế nhưng các bị cáo vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm vì động cơ tư lợi riêng của cá nhân mình, điều đó cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Bùi Sỹ S có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cũng như đảm báo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng cho các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo K đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi trong quá trình tiêu thụ tài sản trộm cắp, bị cáo phạm tội lần đầu và là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi cha mẹ già, 01 con nhỏ, vợ bị cáo K hiện đang mang thai người con thứ hai (theo Đơn xin xác nhận đề ngày 14/5/2018 của K có xác nhận của Công an Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài ra, bị cáo K còn tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra trong việc bắt bị cáo T nên cần áp dụng thêm điểm b, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo K để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Và do bị cáo có đến 03 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47

Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

Xét đề nghị của bị cáo K và người bào chữa cho bị cáo K tại phiên toà xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và có đến 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đồng thời cũng nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Từ những phân tích trên, bị cáo Trịnh Văn K đã hội đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo.

Đối với Nguyễn Khắc Hoà, Trần Kim Ngân, Nguyễn Quốc R, Nguyễn Nhựt Trường, Lâm Văn G, Phù Phi Thoan, Phù Phi I, Phan Kim D, Nguyễn Đăng C đều khai nhận không biết tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bán tang vật trộm cắp qua nhiều giai đoạn gồm: Bị cáo Nguyễn Văn T; bị cáo Bùi Sỹ S; bị cáo Trịnh Văn K; ông Nguyễn KH; ông Nguyễn Đăng C; ông Nguyễn Quốc R (RB) và ông Phan Kim D, tổng cộng số tiền là: 103.829.000 đồng. Trong đó, số tiền bị cáo K nộp là 85.400.000 đồng trong khi K chỉ chiếm hưởng 31.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử trả lại cho K số tiền là 53.900.000 đồng (85.400.000 đồng – 31.500.000 đồng).

Số tiền đã thu giữ còn lại là 49.929.000 đồng (103.829.000 đồng – 53.900.000 đồng) cần ưu tiền hoàn trả cho Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn T mới chỉ thu hồi được 229.000 đồng tiền mặt trên tổng số tiền T chiếm hưởng là 162.500.000 đồng, cần tiếp tục thu hồi 162.271.000 đồng; bị cáo Bùi Sỹ S mới chỉ thu hồi được 1.000.000 đồng trên tổng số tiền S chiếm hưởng là 210.500.000 đồng, cần tiếp tục thu hồi 209.500.000 đồng và cần thu hồi của Lâm Văn G số tiền là 1.000.000 đồng mà G đã có được qua việc mua bán tài sản trộm cắp nêu trên, tổng cộng là 372.771.000 đồng để bồi hoàn lại cho Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA.

- Đối với số tiền 315.000.000 đồng Trịnh Văn K đã dùng để mua 22 chiếc điện thoại từ Nguyễn Văn T: K khai nhận số tiền này K mượn của dì ruột K là bà Cao Thị Ngọc V để làm vốn kinh doanh. Tại phiên toà sơ thẩm, bà V cũng thừa nhận có cho K mượn số tiền 315.000.000 đồng, tuy nhiên, bà không biết K sử dụng tiền vào việc phạm tội. Bà V xác định đã nhận lại số tiền cho K mượn như trên và không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 02 ốc vít kim loại dài khoảng 01 cm và 02 miếng kim loại màu trắng là những vật không có giá trị bị tịch thu và tiêu huỷ theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số imei: 353816082786825 là tài sản bị trộm cắp của Công ty V. Công ty V đã có văn bản chuyển quyền sở hữu cho Công ty BA. Đại diện Công ty BA có yêu cầu nhận lại tài sản này nên Hội đồng xét xử chấp nhận, trả cho Công ty BA.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn AK và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê L, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu huỷ đối với 02 chứng minh nhân dân này.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus thu giữ của Trịnh Văn K, 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của Bùi Sỹ S là phương tiện các bị cáo sử dụng vào

việc phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đối với 01 xe SH biển số 59C1-70795 là tài sản riêng của Trịnh Văn K nên trả cho K 01 chiếc xe này và 01 giấy đăng ký biển số 59C1-70795 đứng tên Trịnh Văn K.

- Đối với 01 xe gắn máy biển số 76M4-1011, qua xác minh do ông Võ X đứng tên chủ sở hữu. Ông X khai nhận giao xe cho con là anh Võ Nam Việt mang vào Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng. Năm 2011 anh Việt bị cướp xe nhưng không trình báo Công an. Bùi Sỹ S khai mượn xe của bạn tên Giàu (không rõ lai lịch) để sử dụng, hiện S không biết chị Giàu ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo tìm chủ xe nhưng đến nay chưa có ai đến trình báo nên xe không có tranh chấp. Ông X có yêu cầu nhận lại chiếc xe trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận trả lại cho ông X theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại Văn bản số 2262/XNK-TTBL ngày 11 tháng 6 năm 2018 cùng các hoá đơn đính kèm của Công ty Viettel, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 478.304.500 đồng. Ngày 20/02/2017, Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA đã bồi thường thiệt hại cho Công ty V toàn bộ số tiền này nên Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA được nhận và sở hữu số tiền mà đáng ra Công ty V được bồi thường, cụ thể là 462.534.500 đồng (478.304.500 đồng - 15.770.000 đồng) (đã trừ đi giá trị 01 chiếc điện thoại thu hồi được)

Xét, số tiền thu hồi được từ việc tiêu thụ các tài sản trộm cắp qua nhiều giai đoạn là 49.929.000 đồng cộng với số tiền 372.771.000 đồng chưa thu hồi được từ Nguyễn Văn T, Bùi Sỹ S và Lâm Văn G, tổng cộng: 422.700.000 đồng là chưa đủ số tiền để bồi hoàn cho Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA nên số tiền còn thiếu là 39.834.500 đồng (462.534.500 đồng – 422.700.000 đồng) bị cáo T phải tiếp tục bồi thường.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông Phù Phi I số tiền đã bỏ ra mua chiếc điện thoại đã bị thu hồi là 24.500.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015 là thỏa đáng.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại số tiền là 226.605.500 đồng (bao gồm 162.271.000 đồng tiền thu lợi chưa thu hồi được;

39.834.500 đồng bồi hoàn cho Công ty Dịch vụ Bảo vệ BA và 24.500.000 đồng tiền bồi hoàn cho ông Phù Phi I); buộc Bùi Sỹ S nộp lại số tiền là 209.500.000 đồng; buộc ông Lâm Văn G nộp lại số tiền là 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: **Nguyễn Văn T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố: **Bùi Sỹ S** và **Trịnh Văn K** phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2017.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 250 và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo **Bùi Sỹ S** 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2017.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 250 và điểm b, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo **Trịnh Văn K** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Văn K cho Uỷ ban nhân dân Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trịnh Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, vật chứng được xử lý như sau:

- Bồi hoàn lại cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ BA số tiền 49.929.000 đồng đã thu hồi được từ các bị cáo và những người liên quan. *(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nộp tại Kho bạc Nhà nước Quận M)*

- Trả cho bị cáo Trịnh Văn K số tiền 53.900.000 đồng. *(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nộp tại Kho bạc Nhà nước Quận M)*

- Tịch thu, tiêu huỷ đối với: 02 ốc vít kim loại dài khoảng 01 cm; 02 miếng kim loại màu trắng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn AK và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê L. *(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 683-36/LNK ngày 05/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Trả cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ BA 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số imei: 353816082786825. *(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 683-36/LNK ngày 05/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Trả cho Nguyễn Văn T 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T. *(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 683-36/LNK ngày 05/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn K 01 xe SH biển số 59C1-70795 và 01 giấy đăng ký xe biển số 59C1-70795 đứng tên Trịnh Văn K. *(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 683-36/LNK ngày 05/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Oppo. *(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 683-36/LNK ngày 05/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Trả cho ông Võ X 01 xe gắn máy biển số 76M4-1011 *(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 683-36/LNK ngày 05/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh)*

3/ Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015.

- Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền chiếm hưởng trong quá trình mua bán tài sản trộm cắp mà có như sau:

* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại số tiền 226.605.500 (hai trăm hai mơi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng.

* Buộc bị cáo Bùi Sỹ S nộp lại số tiền 209.500.000 (hai trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

* Buộc ông Lâm Văn G nộp lại số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

Tổng cộng là: 437.105.500 (bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng. Số tiền này được giải quyết như sau:

* Bồi hoàn cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ BA số tiền là 412.605.500 (bốn trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng.

* Bồi hoàn cho ông Phù Phi I số tiền là 24.500.000 (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

4/ Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Sỹ S và Trịnh Văn K mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 11.330.275 (mười một triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Sỹ S phải chịu 10.475.000 (mười triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo để xin Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (3)
- Người bị hại (1)
- NCQL,NVLQ (9)
- Phòng PC 53 - CA TPHCM ; (1)
- THAHS ; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (6) (35)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà